

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TAL GROUP**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TAL GROUP

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TAL GROUP INVEST JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: TAL GROUP.,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108498454

**3. Ngày thành lập:** 05/11/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 55, ngõ 157, phố Pháo Đài Láng, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                       | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                           | 4321     |
| 2.  | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                         | 3320     |
| 3.  | Thoát nước và xử lý nước thải                                                                                                                   | 3700     |
| 4.  | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                              | 4223     |
| 5.  | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                           | 4293     |
| 6.  | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                      | 4299     |
| 7.  | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                               | 4312     |
| 8.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                  | 4329     |
| 9.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                             | 4390     |
| 10. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý, môi giới                                                                                | 4610     |
| 11. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                              | 4632     |
| 12. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                               | 4721     |
| 13. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                | 4722     |
| 14. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết: - Dịch vụ môi giới bất động sản<br>- Dịch vụ tư vấn bất động sản | 6820     |
| 15. | Phá dỡ                                                                                                                                          | 4311     |
| 16. | Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít                                                                  | 2022     |
| 17. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                      | 3312     |
| 18. | Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu<br>(Trừ các loại Nhà nước cấm)                                                           | 2029     |

|     |                                                                                                                                       |             |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 19. | Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu                                                             | 2399        |
| 20. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                     | 4101        |
| 21. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                               | 4102        |
| 22. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                         | 4211        |
| 23. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                          | 4212        |
| 24. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                     | 4229        |
| 25. | Xây dựng công trình thủy                                                                                                              | 4291        |
| 26. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                 | 4322        |
| 27. | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                  | 4641        |
| 28. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                    | 4649        |
| 29. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                   | 4651        |
| 30. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                    | 4652        |
| 31. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                | 4653        |
| 32. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                        | 4933        |
| 33. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                   | 4222        |
| 34. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                  | 4752        |
| 35. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                        | 4330        |
| 36. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh | 8299        |
| 37. | Sản xuất hoá chất cơ bản                                                                                                              | 2011        |
| 38. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                       | 4292        |
| 39. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                       | 4659        |
| 40. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                               | 4663(Chính) |
| 41. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>(Trừ các loại nhà nước cấm)                                                      | 4669        |
| 42. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                | 4741        |

**6. Vốn điều lệ:** 3.600.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông            | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | TẠ HỒNG PHONG          | Thôn Yên Trung, Xã Tiên Phong, Thị xã Phổ Yên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam            | Cổ phần phổ thông | 176.400    | 1.764.000.000         | 49,000    | 090818316                                                                                   |         |
|     |                        |                                                                                      | Tổng số           | 176.400    | 1.764.000.000         | 49,000    |                                                                                             |         |
|     |                        |                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | NGUYỄN THỊ THẢO NGUYỄN | Thôn Nam Phú, Xã Nam Phong, Huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam              | Cổ phần phổ thông | 3.600      | 36.000.000            | 1,000     | 112183752                                                                                   |         |
|     |                        |                                                                                      | Tổng số           | 3.600      | 36.000.000            | 1,000     |                                                                                             |         |
|     |                        |                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | MAI ĐỨC ĐÔNG           | Thôn Yên, Xã Vinh Quang, Huyện Tiên Lãng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam              | Cổ phần phổ thông | 180.000    | 1.800.000.000         | 50,000    | 0310850016<br>74                                                                            |         |
|     |                        |                                                                                      | Tổng số           | 180.000    | 1.800.000.000         | 50,000    |                                                                                             |         |
|     |                        |                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: MAI ĐỨC ĐÔNG

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 23/11/1985

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 031085001674

Ngày cấp: 07/03/2018

Nơi cấp: *Cục Cảnh Sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Yên, Xã Vinh Quang, Huyện Tiên Lãng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Thôn Yên, Xã Vinh Quang, Huyện Tiên Lãng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội